

TẬP ĐOÀN DẦU KHÍ VIỆT NAM
TỔNG CÔNG TY ĐIỆN LỰC DẦU KHÍ VIỆT NAM
BẢN TIN THAN NGÀY

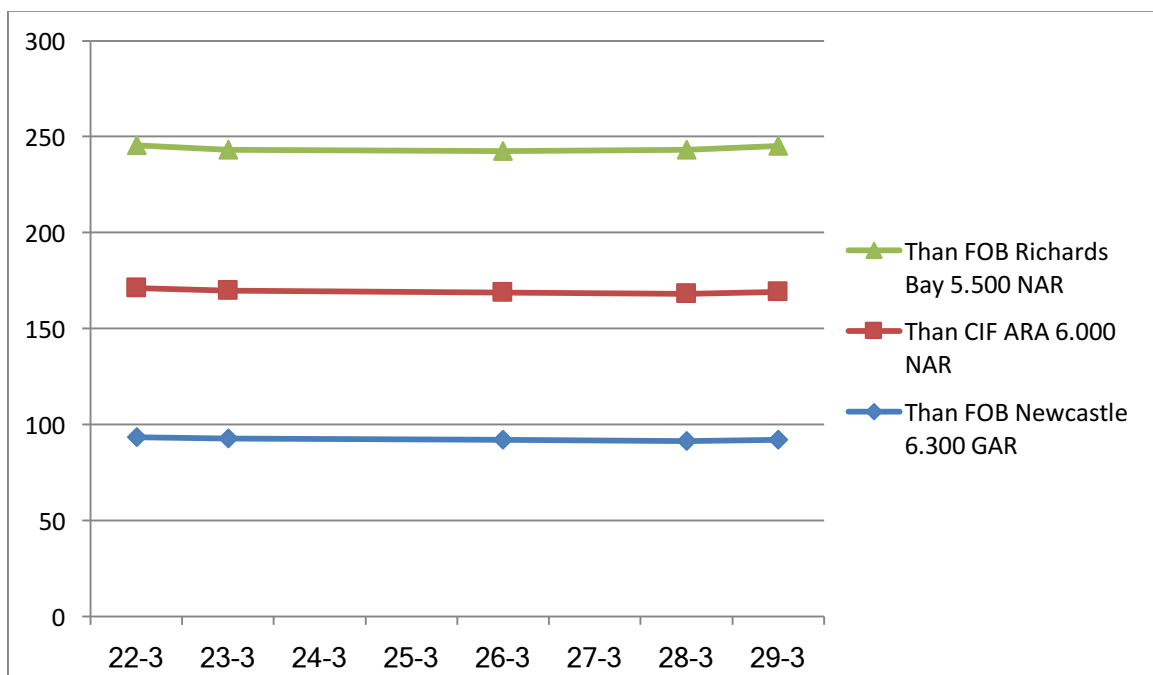
Ngày 02/04/2018

CHỈ SỐ GIÁ THAN TRÊN THỊ TRƯỜNG THẾ GIỚI

Chỉ số giá than	Giao ngay	+/-	Hợp đồng tương lai kỳ hạn 90 ngày	+/-
FOB Newcastle 6.300 GAR	92,05	+0,55	92,15	+1,10
CIF ARA 6.000 NAR	77,00	+0,30	77,00	+0,25
FOB Richards Bay 5.500 NAR	76,10	+1,25	N/A	N/A
FOB Kalimantan 5.900 GAR	N/A	N/A	79,00	+0,00
FOB Kalimantan 5.000 GAR	N/A	N/A	63,00	+0,00

Giá tham chiếu than nhiệt Trung Quốc	USD/tấn	+/-	NDT/tấn	+/-
PCC6 (CFR South China 3.800 NAR)	51,20	-0,15	375,50	-0,95
PCC7 (CFR South China 4.700 NAR)	71,80	-0,05	526,58	-0,14
PCC8 (CFR South China 5.500 NAR)	80,50	+0,00	590,39	+0,25

GIÁ GIAO NGAY CÁC CHỈ SỐ THAN KHU VỰC NĂM 2018



(Nguồn: Platts Coal Trader International – Số liệu ngày 29/03/2018)

DIỂM TIN

Nhu cầu của Trung Quốc giảm mạnh ảnh hưởng lớn đến giá than nhiệt

Trong tuần trước, thị trường than nhiệt Châu Á tiếp tục tình trạng ảm đạm, nhu cầu mua hàng thấp trong khi mức dự trữ tại các cảng và nhà máy điện cao. Tuy nhiên, tuyến đường sắt đến Tần Hoàng Đảo bảo trì trong tháng 4 và sản lượng của một số mỏ than Trung Quốc giảm xuống có thể đẩy giá tăng nhẹ trong ngắn hạn. Trong ngày thứ 5 (29/3), giá than nội địa Trung Quốc 5.500 kcal/kg NAR giao lẻ được giao dịch ở mức 620 NDT/tấn FOB và than 5.000 kcal/kg NAR ở mức 555-560 NDT/tấn FOB. Ngoài ra thời tiết đang dần ấm lên, mức than dự trữ của các nhà máy điện cao và mùa mưa sẽ sớm bắt đầu, thúc đẩy sản lượng thủy điện.

Nhiều khách hàng đang mua than theo các hợp đồng dài hạn với giá được đặt dưới mức 600 NDT/tấn FOB, tuy nhiên những khách hàng này có thể sẽ mua than giao lẻ nếu giá giảm xuống dưới giá hợp đồng dài hạn. Dự báo giá than trong nước 5.500 kcal/kg NAR có thể xuống mức đáy 600 NDT/tấn FOB trong thời gian gần bởi hiện nay giá đã ở mức 620 NDT/tấn. Các nhà máy điện vẫn còn đủ than và không cần phải gấp rút mua hàng dự trữ. Một khách hàng tiêu thụ cuối ở Trung Quốc đã nhận được 1 đề nghị cung cấp than Australia 5.500 kcal/kg NAR, độ tro 23% giao trên tàu Capesize trong tháng 5 ở mức 73 USD/tấn, FOB Newcastle, tuy nhiên khách hàng Trung Quốc chỉ có thể xem xét các đơn chào hàng than Australia ở mức 600 NDT/tấn CFR Nam Trung Quốc.

Giá than Indonesia giảm sâu

Một công ty Trung Quốc mới đây đã đặt 1 chuyến hàng than Indonesia 3.800 kcal/kg NAR giao trên tàu Supramax trong tháng 4 với giá 42,70 USD/tấn FOB. Đại diện công ty này cho biết: "Mặc dù giá đang giảm rất nhanh chóng và thị trường dường như đang trong tình trạng khủng hoảng nhưng chúng tôi không muốn đặt hàng nhiều hơn vì kỳ vọng giá sẽ giảm hơn nữa". Công ty này cũng cho biết các mỏ than ở Trung Quốc đã tăng sản lượng trong năm nay và dường như cuộc họp Quốc hội vào tháng 3 đã không có ảnh hưởng lớn đến sản xuất than trong nước nhiều như năm ngoái. Nhiều công ty khác cũng cho rằng than Indonesia 3.800 kcal/kg NAR có thể sẽ giảm sâu hơn nữa và sẽ không thể hồi phục trong ngắn hạn.

Một công ty Singapore cho biết đã có 1 chuyến hàng mua than Indonesia 3.800 kcal/kg giao nửa đầu tháng 4 với giá 42,40 USD/tấn FOB Kalimantan. Ngoài ra trên thị trường than Indonesia cũng xuất hiện 1 gói thầu mua than 3.800 kcal/kg NAR giao tháng 5 ở mức 40 USD/tấn FOB. Tuy nhiên, 1 công ty than lớn của Indonesia cho biết đã bán 1 chuyến hàng tương tự, lưu huỳnh thấp với giá 43 – 44 USD/tấn FOB. Một công ty khác ở Singapore cho biết 1 công ty ở Nam Trung Quốc đã nhận được 1 chuyến hàng than Indonesia 3.800 kcal/kg NAR với giá 369 NDT/tấn (tương đương 49,35-49,85 USD/tấn], điều kiện CFR. Một nhà máy điện khu vực sông Dương Tử đã mua 1 chuyến hàng tương tự giao trên tàu Supramax trong tháng 4 với giá 41 USD/tấn FOB.

Bumi đặt mục tiêu mới cho năm 2018

PT Bumi Resources, công ty khai thác than nhiệt lớn nhất của Indonesia mới đây cho biết thành công của mình vào năm 2017 chỉ đến từ các hoạt động đầu tư tài chính, và sẽ khó lặp lại trong năm nay. Đại diện của công ty, ông Dileep Srivastava cho biết: "Năm 2017 là năm bước ngoặt và chúng tôi mong đợi năm 2018 sẽ là năm thể hiện khả năng sản xuất thực tế của Bumi mà không phải do đầu tư như năm ngoái". Trong năm 2017, doanh thu của Bumi đã giảm 25,7% so với cùng kỳ năm 2016 xuống còn 17,36 triệu USD. Tuy nhiên, thu nhập ròng từ các công ty con và liên doanh tăng 145,23% lên 206,6 triệu USD. Hơn nữa, sau khi tăng tỷ lệ sở hữu tại PT Arutmin Indonesia từ 70 lên 90% vào năm 2017, Bumi đã đánh giá lại tài sản của Arutmin, dẫn đến giá trị tài sản tăng đáng kể từ chỉ 262 triệu USD lên đến 1,35 tỷ USD. Sau đó, Bumi đã gộp 740,38 triệu USD vào khoản mục thu nhập khác dẫn đến tăng giá trị cổ phần đầu tư.

Sau khi xem xét các biến số khác, bao gồm cả khoản giảm tài sản trị giá 486,4 triệu USD và thuế 66,97 triệu USD, Bumi đạt lợi nhuận ròng 373,25 triệu USD, tăng đến 451,3% so với thành tích năm 2016. Thêm vào đó, nỗ lực tái cơ cấu nợ của Bumi năm ngoái đã dẫn đến việc giảm 42,07%

tổng nợ phải trả xuống còn 3,41 tỷ USD. Năm 2018, Bumi dự kiến tăng sản lượng than lên 10% so với mức 83,7 triệu tấn được ghi nhận vào năm ngoái.

(Nguồn: Platts)

CƯỚC VẬN TẢI ĐƯỜNG BIỂN QUỐC TẾ

Cỡ tàu	Điểm xuất phát	Điểm đến	Cước phí	Đơn vị: USD/tấn Thay đổi
Capesize	Úc	Trung Quốc	7,05	+0,00
(150.000 tấn)	Queensland	Nhật Bản	8,15	+0,00
	New South Wales	Hàn Quốc	8,70	+0,00
Panamax	Richards Bay	Tây Ấn Độ	13,80	-0,55
(70.000 tấn)	Kalimantan	Tây Ấn Độ	9,50	-0,25
	Richards Bay	Đông Ấn Độ	14,00	-0,55
	Kalimantan	Đông Ấn Độ	8,05	-0,25
	Úc	Trung Quốc	12,25	-1,00
	Úc	Ấn Độ	14,00	-0,65

(Nguồn: Platts Coal Trader International – Số liệu ngày 29/03/2018)